

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Ngọc Huân	Chủ tịch
Ông Phạm Công Tú	Thành viên
Ông Tomohiro Fujita	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ninh	Thành viên
Ông Phạm Tiến Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Tiến Hiệp	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Sơn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Huy Hoàng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Số: 656 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Thành (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.979.234.039	155.599.988.739
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	86.000.470.207	131.346.966.251
1. Tiền	111		11.159.219.642	14.505.130.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.841.250.565	116.841.836.237
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	42.000.000.000	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.413.564.584	9.611.278.585
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.029.582.276	10.762.471.287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.331.934.071	904.739.841
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.493.441.495	385.460.715
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.441.393.258)	(2.441.393.258)
IV. Hàng tồn kho	140	8	16.793.569.764	3.550.255.361
1. Hàng tồn kho	141		16.793.569.764	3.550.255.361
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.771.629.484	91.488.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	91.488.542
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.771.629.484	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.699.773.090	39.953.386.717
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		311.800.000	308.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		311.800.000	308.500.000
II. Tài sản cố định	220		48.255.676.468	32.276.739.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	48.255.676.468	32.276.739.574
- Nguyên giá	222		207.943.670.480	176.275.712.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.687.994.012)	(143.998.972.764)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		92.000.000	92.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.000.000)	(92.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.181.501.512	3.902.118.158
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	46.181.501.512	3.902.118.158
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.950.795.110	3.466.028.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.950.795.110	493.984.996
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	-	2.972.043.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		246.679.007.129	195.553.375.456

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNHSố 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

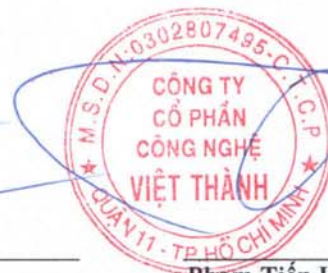
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		49.276.594.282	53.104.376.648
I. Nợ ngắn hạn	310		49.276.594.282	53.104.376.648
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	23.030.875.084	15.014.543.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.200.000	24.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	7.673.004.062	10.436.717.538
4. Phải trả người lao động	314		3.060.562.755	2.604.224.781
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	310.866.693	15.546.048.534
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	3.653.144.402	5.050.475.146
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	9.565.167.086	2.564.586.962
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.958.774.200	1.863.579.970
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.402.412.847	142.448.998.808
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	197.402.412.847	142.448.998.808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu có thông tin có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.232.634.424	19.717.226.137
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.169.778.423	80.731.772.671
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		91.169.778.423	80.731.772.671
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		246.679.007.129	195.553.375.456


Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

Lê Hồng Chi
Kế toán trưởngPhạm Tiến Hiệp
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	191.173.860.196	216.706.563.295
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		191.173.860.196	216.706.563.295
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	77.149.183.006	97.569.044.967
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		114.024.677.190	119.137.518.328
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.079.622.332	4.053.433.417
6. Chi phí bán hàng	25		1.153.619.993	1.882.444.251
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.500.366.439	15.639.147.082
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		105.450.313.090	105.669.360.412
9. Thu nhập khác	31	22	14.090.969.508	4.453.254.329
10. Chi phí khác	32		-	4.443.454.329
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.090.969.508	9.800.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		119.541.282.598	105.679.160.412
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	23.327.038.182	26.303.959.279
14. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	2.972.043.989	(2.972.043.989)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		93.242.200.427	82.347.245.122
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	21.979	19.410



Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu



Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc


Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	119.541.282.598	105.679.160.412
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.689.021.248	15.470.759.160
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.079.622.332)	(4.053.433.417)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	129.150.681.514	117.096.486.155
- Giảm các khoản phải thu	09	4.422.784.517	29.480.869.738
- Tăng hàng tồn kho	10	(13.243.314.403)	(1.632.043.806)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(13.735.936.013)	4.916.105.925
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.365.321.572)	288.308.573
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.081.332.283)	(21.158.774.798)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.153.755.323)	(1.393.631.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	75.993.806.437	127.597.320.650
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(61.380.087.978)	(7.088.199.448)
2. Tiền gửi vào tài khoản có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(31.000.000.000)	(11.000.000.000)
3. Thu lãi tiền gửi	27	6.079.622.332	4.053.433.417
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.300.465.646)	(14.034.766.031)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.039.836.835)	(26.535.665.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.039.836.835)	(26.535.665.563)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(45.346.496.044)	87.026.889.056
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	131.346.966.251	44.320.077.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	86.000.470.207	131.346.966.251


 Nguyễn Thị Nguyệt
 Người lập biểu


 Lê Hồng Chi
 Kế toán trưởng


 Phạm Tiên Hiệp
 Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2016

0112500
 CHI NHẠ
 CÔNG
 CH NHIỆM
 ELOIT
 VIỆT NÀ
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302807495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 14 ngày 05 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước đây.

Công ty được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24 tháng 4 năm 2013

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 336 người (31 tháng 12 năm 2014: 343 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình); bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (chi tiết: mua bán trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình); hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (chi tiết: sản xuất và phát hành phim có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở)); hoạt động hậu kỳ (trừ sản xuất phim); hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ sản xuất phim và phát sóng); lắp đặt hệ thống điện (chi tiết: dịch vụ lắp đặt truyền hình cáp, vệ tinh); hoạt động viễn thông khác (chi tiết: thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất không sử dụng băng tần vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông trong phạm vi khu vực - từ 2 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (chi tiết: cho thuê trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 255-257 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một chi nhánh tại Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

1250
H NH
ONG
NHIEM
LOIT
T NA
P. HO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	961.562.758	301.651.245
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.197.656.884	14.203.478.769
Các khoản tương đương tiền	74.841.250.565	116.841.836.237
	<u><u>86.000.470.207</u></u>	<u><u>131.346.966.251</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 4% đến 7%/năm (2014: 4% đến 4,5%/năm).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn hơn ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 5,4% đến 5,9%/năm (2014: 5,6% đến 5,9%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cty TNHH MTV Dịch Vụ Kỹ Thuật Truyền Thông HTV (HTV-TMS)	20.340.000	338.197.000
Tổng Công ty truyền hình Cáp Việt Nam	514.608.622	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.494.633.654	10.424.274.287
	<u>3.029.582.276</u>	<u>10.762.471.287</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên vật liệu	16.354.108.064	3.491.334.252
Công cụ, dụng cụ	439.461.700	58.921.109
	<u>16.793.569.764</u>	<u>3.550.255.361</u>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	8.683.527.273	162.727.341.646	2.204.813.863	2.660.029.556	176.275.712.338
Tăng trong năm	-	2.236.568.455	481.759.000	-	2.718.327.455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	28.949.630.687	-	-	28.949.630.687
Tại ngày 31/12/2015	<u>8.683.527.273</u>	<u>193.913.540.788</u>	<u>2.686.572.863</u>	<u>2.660.029.556</u>	<u>207.943.670.480</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	955.188.003	139.821.597.990	695.400.868	2.526.785.903	143.998.972.764
Khấu hao trong năm	347.341.092	14.883.329.479	433.861.797	24.488.880	15.689.021.248
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.302.529.095</u>	<u>154.704.927.469</u>	<u>1.129.262.665</u>	<u>2.551.274.783</u>	<u>159.687.994.012</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	<u>7.380.998.178</u>	<u>39.208.613.319</u>	<u>1.557.310.198</u>	<u>108.754.773</u>	<u>48.255.676.468</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.728.339.270</u>	<u>22.905.743.656</u>	<u>1.509.412.995</u>	<u>133.243.653</u>	<u>32.276.739.574</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 136.102.528.795 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 77.660.768.594 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Nâng cấp và cải tạo mạng đồng trục Quận Phú Nhuận	7.268.405.520	-
Thi công mạng đồng trục khu vực Quận 11	5.996.699.513	-
Nâng cấp và cải tạo mạng đồng trục truyền hình cáp Quận 10	5.445.505.357	-
Thi công mở rộng mạng đồng trục khu vực Nam Bình Chánh	4.898.919.986	-
Cải tạo cáp truyền hình Biên Hòa	3.844.714.746	-
Thi công mạng đồng trục khu vực Quận 5	2.806.773.852	-
Nâng cấp và cải tạo mạng truyền hình cáp khu vực Nam Bình Chánh	2.726.602.819	-
Nâng cấp và cải tạo mạng truyền hình cáp khu vực Quận 7	2.433.444.000	-
Thi công cải tạo tuyến cáp quang khu vực Nam Bình Chánh	2.277.456.647	-
Nâng cấp và cải tạo mạng đồng trục truyền hình cáp tại 13 phường của Quận 8	-	2.029.119.838
Các công trình khác	8.482.979.072	1.872.998.320
	<u><u>46.181.501.512</u></u>	<u><u>3.902.118.158</u></u>

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	2.972.043.989
	<u><u>-</u></u>	<u><u>2.972.043.989</u></u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Thành Nam	11.151.003.170	-
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Kỹ Thuật Truyền Thông HTV (HTV-TMS)	4.622.964.104	6.867.641.407
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Bưu Điện	3.743.987.400	-
Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Hạ Tầng Viễn Thông CMC (Thành phố Hà Nội)	-	2.202.026.553
Các khoản phải trả người bán khác	3.512.920.410	5.944.875.757
	<u><u>23.030.875.084</u></u>	<u><u>15.014.543.717</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2015	31/12/2014		
	VND	VND		
b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Trung tâm internet điện lực	1.194.450.050	1.194.450.050		
Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh	59.559.758	59.559.758		
Công ty Pama Polo	40.262.500	40.262.500		
Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động & Điều Khiển Thang Việt	22.500.000	22.500.000		
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật ứng dụng Quế Thanh	1.093.587	1.093.587		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại & Dịch vụ vận Tài Lê Ngọc	302.500	302.500		
	1.318.168.395	1.318.168.395		
13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC				
	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2015	
	01/01/2015	trong năm	trong năm	
	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	836.375.771	9.304.106.611	9.316.582.207	823.900.175
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.581.332.283	23.327.038.182	26.081.332.283	6.827.038.182
Thuế thu nhập cá nhân	19.009.484	951.312.352	948.256.131	22.065.705
	10.436.717.538	33.582.457.145	36.346.170.621	7.673.004.062
14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
			31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Chi phí dịch vụ truyền hình cáp			227.215.413	15.472.048.534
Chi phí phải trả khác			83.651.280	74.000.000
			310.866.693	15.546.048.534
15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện số tiền khách hàng trả trước cho phí sử dụng dịch vụ truyền hình cáp từ 3 đến 12 tháng.				
16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
			31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Kinh phí công đoàn			398.789.982	328.788.920
Bảo hiểm xã hội			16.295.826	-
Phải trả ký quỹ ngắn hạn			1.964.400.000	1.101.400.000
Phải trả về mượn tài sản			3.060.000.000	-
Phải trả về dịch vụ truyền hình cáp			3.247.733.527	-
Phải trả về dịch vụ internet trên mạng cáp			236.524.491	-
Khác			641.423.260	1.134.398.042
			9.565.167.086	2.564.586.962

12500-
 HI NHẢ
 CÔNG T
 NIỆM H
 LOIT
 IỆT NA
 TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNHSố 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần đã phát hành**

	Tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014	
	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	4.200.000	42.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	4.200.000	42.000.000.000
Cổ phần	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
+ Cổ phần phổ thông	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
+ Cổ phần phổ thông	4.200.000	4.200.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2015		31/12/2014	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	51,00	21.420.000.000	51,00	21.420.000.000
Ông Phạm Công Tú	12,38	5.197.600.000	13,50	5.670.000.000
Bà Phạm Thị Kim Chung	13,00	5.460.000.000	13,00	5.460.000.000
Viet Thanh Cable Investments Limited	12,50	5.250.000.000	12,50	5.250.000.000
Ông Phạm Tiến Hiệp	9,26	3.890.000.000	9,26	3.890.000.000
Cổ đông khác	1,86	782.400.000	0,74	310.000.000
	100,00	42.000.000.000	100,00	42.000.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng
	VND	phát triển	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	42.000.000.000	-	46.252.891.700	88.252.891.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	82.347.245.122	82.347.245.122
Chia cổ tức	-	-	(26.535.665.563)	(26.535.665.563)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	19.717.226.137	(19.717.226.137)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(823.472.451)	(823.472.451)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(792.000.000)	(792.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	42.000.000.000	19.717.226.137	80.731.772.671	142.448.998.808
Lợi nhuận trong năm	-	-	93.242.200.427	93.242.200.427
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	44.515.408.287	(44.515.408.287)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(2.108.949.553)	(2.108.949.553)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(1.140.000.000)	(1.140.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(35.039.836.835)	(35.039.836.835)
Tại ngày 31/12/2015	42.000.000.000	64.232.634.424	91.169.778.423	197.402.412.847

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 12 tháng 4 năm 2015, Công ty đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chia cổ tức cho cổ đông với số tiền lần lượt là 44.515.408.287 đồng, 1.140.000.000 đồng và 35.039.836.835 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 và 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(**) Trong năm 2015, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 1% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động viễn thông có dây (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet) và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (chi tiết: lắp đặt trang thiết bị, máy móc trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, truyền hình). Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12% (2014: 3%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 19 và số 20 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, hoạt động viễn thông có dây và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Đồng Nai. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hòa mạng	758.426.361	1.185.796.364
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	158.113.432.474	200.371.236.605
Doanh thu dịch vụ internet	8.260.967.597	7.957.110.826
Doanh thu bán vật tư	1.297.361.107	1.643.692.257
Doanh thu cho thuê tài sản	12.751.509.029	-
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	9.992.163.628	5.548.727.243
	<u>191.173.860.196</u>	<u>216.706.563.295</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	8.758.917.665	7.497.399.596
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	68.390.265.341	90.071.645.371
	<u>77.149.183.006</u>	<u>97.569.044.967</u>

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.649.048.164	11.240.513.823
Chi phí nhân công	34.136.171.730	32.540.967.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.689.021.248	15.470.759.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.253.254.162	52.389.763.325
Chi phí khác	3.075.674.134	3.448.632.209
	<u>91.803.169.438</u>	<u>115.090.636.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. THU NHẬP KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập từ việc thanh lý hợp đồng	13.509.290.860	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	4.443.454.329
Các khoản khác	<u>581.678.648</u>	<u>9.800.000</u>
	<u>14.090.969.508</u>	<u>4.453.254.329</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.500.366.439	15.639.147.082
- Chi phí nhân viên quản lý	5.556.878.190	8.046.368.023
- Chi phí thuê văn phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.941.646.060	3.436.843.194
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.001.842.189	4.155.935.865
Chi phí bán hàng	1.153.619.993	1.882.444.251
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.221.024	1.882.444.251
- Các khoản chi phí bán hàng khác	315.398.969	-

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.327.038.182	26.221.459.279
	-	82.500.000
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>23.327.038.182</u>	<u>26.303.959.279</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	119.541.282.598	105.679.160.412
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>13.509.290.860</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>-</i>	<i>13.509.290.860</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>106.031.991.738</u>	<u>119.188.451.272</u>
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 22%</i>	<i>106.031.991.738</i>	<i>119.188.451.272</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>23.327.038.182</u>	<u>26.221.459.279</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.972.043.989	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(2.972.043.989)
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.972.043.989	(2.972.043.989)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	93.242.200.427	82.347.245.122
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	932.422.004	823.472.451
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	92.309.778.423	81.523.772.671
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.979	19.410

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.538.631.326	7.053.275.823

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.732.563.416	2.685.057.728
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.200.889.120	8.011.553.449
	7.933.452.536	10.696.611.177

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Đồng Nai. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.000.470.207	131.346.966.251
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.364.095.513	8.781.538.744
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	11.000.000.000
Tổng	130.364.565.720	151.128.504.995
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	32.596.042.170	17.579.130.679
Chi phí phải trả	310.866.693	15.546.048.534
Tổng	32.906.908.863	33.125.179.213

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.000.470.207	-	86.000.470.207
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.052.295.513	311.800.000	2.364.095.513
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.000.000.000	-	42.000.000.000
Tổng	130.052.765.720	311.800.000	130.364.565.720
Phải trả người bán và phải trả khác	32.596.042.170	-	32.596.042.170
Chi phí phải trả	310.866.693	-	310.866.693
Tổng	32.906.908.863	-	32.906.908.863
Chênh lệch thanh khoản thuần	97.145.856.857	311.800.000	97.457.656.857
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.346.966.251	-	131.346.966.251
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.473.038.744	308.500.000	8.781.538.744
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Tổng	150.820.004.995	308.500.000	151.128.504.995
Phải trả người bán và phải trả khác	17.579.130.679	-	17.579.130.679
Chi phí phải trả	15.546.048.534	-	15.546.048.534
Tổng	33.125.179.213	-	33.125.179.213
Chênh lệch thanh khoản thuần	117.694.825.782	308.500.000	118.003.325.782

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
Viet Thanh Cable Investments Limited
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt
Ông Phạm Công Tú
Bà Phạm Thị Kim Chung
Ông Phạm Tiến Hiệp

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Công ty có liên quan
Cổ đông
Cổ đông
Giám đốc/Cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNHSố 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	19.078.510.425	-
Chi phí bản quyền		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	2.002.000.000	2.002.000.000
Chi phí thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	2.006.542.796	1.187.305.152
Bà Phạm Thị Kim Chung	192.000.000	145.454.545
Ông Phạm Tiến Hiệp	336.000.000	141.000.000
Dịch vụ quản lý công tác tài chính, kỹ thuật		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	552.000.000	-
Khác		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	3.089.136.800	-
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	17.870.316.786	7.005.732.235
Viet Thanh Cable Investment Limited	4.380.075.000	-
Ông Phạm Công Tú	4.336.357.680	4.866.862.949
Bà Phạm Thị Kim Chung	4.555.278.000	7.858.712.456
Ông Phạm Tiến Hiệp	3.245.427.000	5.328.065.946
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao, lương và thưởng của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.902.146.134	1.088.139.990
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	514.608.622	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thái Việt	66.000.000	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	1.116.883.222	-
Phải trả khách hàng		
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	-	1.341.076.224
Phải trả khác		
Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	3.060.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỆT THÀNH

Số 22, Đường số 4, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 12.567.253.518 đồng (năm 2014: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

12500-0
NHÂN
CÔNG TY
HIỂM HỨ
OITT
T NAM
P. HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Tên chi tiêu	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản					
Đầu tư ngắn hạn	121	11.000.000.000	123	11.000.000.000	Đổi tên
Phải thu khách hàng	131	10.762.471.287	131	10.762.471.287	Đổi tên
Trả trước cho người bán	132	904.739.841	132	904.739.841	Đổi tên
Các khoản phải thu khác	135	151.960.715	136	385.460.715	Phân loại lại và đổi tên
Tài sản ngắn hạn khác	158	233.500.000			
Tài sản dài hạn khác	268	308.500.000	216	308.500.000	Đổi tên
II. Nguồn vốn					
Phải trả người bán	312	15.014.543.717	311	15.014.543.717	Đổi tên
Người mua trả tiền trước	313	24.200.000	312	24.200.000	Đổi tên
Chi phí phải trả	316	15.546.048.534	315	15.546.048.534	Đổi tên
Không sử dụng			318	5.050.475.146	Phân loại lại và đổi tên
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	7.615.062.108	411	42.000.000.000	Phân loại lại và đổi tên
Vốn điều lệ	411	42.000.000.000			Đổi tên

(Signature)

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

(Signature)

Lê Hồng Chi
Kế toán trưởng



Phạm Tiến Hiệp
Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

